

LD VIETSOVPEIRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1	410	PVD2+TD5+RP2	7:25	11+7+4	0+0+0		1+10+11	0+0+0			
2	424	TD3+TD1	7:25	21+0	0+0		20+1	0+0	1 NGUOI TD5 VE QUA TD3		
3	410	JS2+CLO+TD5	9:25	16+0+6	0+0+0		13+3+6	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TU CLO-TD5		

TTBDSX





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/03/2018	TO: PVD2 - TD5 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN LOI	PVD2	01	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HAI	PVD2	06	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VAN ANH	PVD2	07	1	14		82	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM VAN KY	PVD2	09	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC HÀ	PVD2	11	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CUONG	PVD2	03	1	11		82	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG THE MINH	PVD2	10	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VU VAN GIANG	PVD2	04	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	08	1	13		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU ANH TUAN	PVD2	05	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TIEN DUNG	PVD2	02	1	11		100	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN PHONG	TD5	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG XUAN THI	TD5	85	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VAN HUONG	TD5	79	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÀO QUANG MINH	TD5	82	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN TRUC TUYEN	TD5	80	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC LINH	TD5	81	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGO QUOC BAO	TD5	83-84	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
19	DO VAN QUYET	RP2	36	1	5		80	PVE	Vietnamese
20	VU TRONG TU	RP2	37	1	10		60	PVE	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN HAU	RP2	34	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
22	LE HONG TRIEU	RP2	35	1	11		65	PVE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	11	11	117	829	0	1		
2	TD5	7	8	45	492	0	10		
3	RP2	4	4	30	275	0	11		
TOTAL		22	23	192	1.596	0	22		
WEIGHT KG				192	1.596	0			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01-Mar-18	TO: TD3 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHàI - THẢO - DSON	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FILIPPOV NIKOLAY	TD3	79	1	7		85	KHOAN	Russian
2	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	85	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	86	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM THANH DŨNG	TD3					63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THANH	TD3	81	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN CẢNH THẠC	TD3	87	1	7		73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI VAN NGHIA	TD3	93	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ SỸ HÙNG	TD3	88	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	82	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN KHUONG	TD3					90	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	84	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẠO NGUYỄN DU MẠC	TD3	83	1	7		58	KHOAN	Vietnamese
13	BUI NGỌC TŨ	TD3	91	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HỮU HẬU	TD3	89	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TÙNG	TD3	34	1	7	59	63	ANTOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TUYỆT	TD3	33	1	8		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM	TD3	90	1	14		69	DVL	Vietnamese
18	VU VĂN TRUNG	TD3	95	1	11		60	DVL	Vietnamese
19	MAI VĂN DUONG	TD3	92	1	11		75	DVL	Vietnamese
20	ĐINH VIỆT DŨNG	TD3	80	1	5		60	DVL	Vietnamese
21	ĐỖ TRỌNG HIẾN	TD3	98	1	11		63	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN TUẤN HẢI	TD3					62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	19	142	1.532	59	20		
2	TD1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	19	142	1.532	59	21		
WEIGHT KG				142	1.532	59			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người		Hàng
1		CTK3+AMD	7:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
2		VSP02+BK9	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
3		BK14+PPD	7:25	9+13	0+0		7+13	0+0	
4		P7+CTK3	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5		VSP02+JS2	9:25	16+6	0+0		14+6	0+0	
6		PPD+CNV	9:25	5+16	0+0		2+13	0+0	

TTBDSX





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2018	TO: CTK3 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - DKHÁNH	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG XUAN HIEU	CTK3	35	1	5	35	60	KH-THAC	Vietnamese
2	HA MINH GIANG	CTK3	834	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TUAN MINH	CTK3	34,835	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TRỌNG HAI	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN MINH KIEN	AMD	38	1	7	55	65	KH-THAC	Vietnamese
6	LE HUY HOANG	AMD	39	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HANG HAI	AMD	31	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TRI TRUNG	AMD	26	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TRUNG KIEN	AMD	23	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	VADIM BOGACHEV (PVDT)	AMD	35	1	15		90	KH-THAC	Russian
11	THAI THANH THAO	AMD	34	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM TUAN CHUNG	AMD	37	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN LE HONG VU	AMD	24-25	2	15		61	KH-THAC	Vietnamese
14	LE HOANG HONG SANG	AMD	32-33	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HOANG LONG	AMD	21-22	2	13		73	KH-THAC	Vietnamese
16	PHI MANH HAI	AMD	36	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG VIET	AMD	30	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ANH KHOA	AMD	29	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG NGOC ANH	AMD	27-28	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH TAN	AMD	43	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN CHIEU	AMD	18-19	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN THACH	AMD	20	1	6		86	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	4	4	28	300	35	0	(+105)	
2	AMD	18	23	156	1.317	55	22		
TOTAL		22	27	184	1.617	90	22		
WEIGHT KG				184	1.617	90			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2018	TO: VSP02 - BK9	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI VAN THOAI	VSP02	81	1	5		70	YTE	Vietnamese
2	POKLONSKIY ALEXEY	VSP02	77	1	3		80	KH-THAC	Russian
3	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN LÊ HỒI	VSP02	84-85	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ CÔNG HOÀN	VSP02					66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH THAO	VSP02	79	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	91	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	83	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
10	VÕ TẤN LINH	VSP02	90	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
11	CAO VĂN KHA KHA	VSP02	82	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	78	1	4	40	64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO ĐỨC TRI	VSP02	87	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI XUÂN TIỀN	VSP02	88	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG HIÊN	VSP02	86	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC DŨNG	VSP02	89	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	80	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG TRI	BK9	34	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ MINH ĐỨC	BK9	37	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẠO VIỆT HÙNG	BK9	15	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM QUANG THAI	BK9	33	1	5	35	82	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN VINH	BK9	11	1	8		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	15	79	1.167	40	17		
2	BK9	5	5	37	373	35	5		
TOTAL		22	20	116	1.540	75	22		
WEIGHT KG				116	1.540	75			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2018	TO: P7 - CTK3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: PHỦ - LHàI - THẢO - DSON	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TUẤN ANH	P7	79-80	2	13	20	75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LỘC	P7	81	1	10	60	57	XAYLAP	Vietnamese
3	VU TUẤN ANH	P7	77-78	2	17		73	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI KHÁC PHONG	CTK3	15	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	21	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
6	DOÀN QUANG TUẤN	CTK3	23	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	14	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH LIÊM	CTK3	18	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	26	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN BÌNH	CTK3	28	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TUẤN	CTK3	17	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ ANH ĐỨC	CTK3	20	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐẶC THÀNH	CTK3	22	1	4	30	80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN HỮU BẢO	CTK3	16	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG QUỐC BẢO	CTK3	24	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN DUY PHƯƠNG	CTK3	27	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TUYẾN	CTK3					65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	25	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN KHÁC THĂNG	CTK3	19	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN ĐẶC QUÊ	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	CTK3	12	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	3	5	40	205	80	0		
2	CTK3	19	17	87	1.310	30	22		
TOTAL		22	22	127	1.515	110	22		
WEIGHT KG				127	1.515	110			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02-Mar-18	TO: BK14 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Vận - CHIẾN - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TOÀN	BK14	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CHÍNH	BK14	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO KIM CUƠNG	BK14	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	BK14	27	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUYẾT THANG	BK14	34	1	5	35	63	KH-THAC	Vietnamese
6	LUYỄN VĂN THIỆU	BK14	29	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HAI	BK14	31	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN XUÂN THANH	BK14	26	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN CUƠNG	BK14	33	1	3		60	PSV	Vietnamese
10	PHÙNG QUANG THANG	PPD	40-41	2	15		78	KHI	Vietnamese
11	LY XUÂN TRUNG	PPD	36-37	2	15		65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	PPD	48	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VĂN VIỆN	PPD	38	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NĂNG PHONG	PPD	35	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	45-46	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	34	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN HOÀI BAO	PPD	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	BIÊN MINH SƠN	PPD	39	1	4	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH TRÍ	PPD	44	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGÕ ĐỨC VỌNG	PPD					64	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐỖ ĐỨC QUẢN	PPD	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	9	9	43	582	35	7		
2	PPD	13	14	79	902	20	13		
TOTAL		22	23	122	1.484	55	20		
WEIGHT KG				122	1.484	55			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02-Mar-18	TO: VSP02 - JS2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hạnh - DUONG - DKHÁNH	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA MANH THANG	VSP02	57	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HA	VSP02	56	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI HUY BINH	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THAI SON	VSP02	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
5	LE XUAN BINH	VSP02	58	1	5	10	70	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG ANH HUNG	VSP02	54	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO ĐUC CHU	VSP02	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ĐINH DUONG	VSP02	63	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN GIAP	VSP02	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LU SON	VSP02	61	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TÔ VAN HUNG	VSP02	64	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN QUYẾT	VSP02					50	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	60	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	TÔ QUANG ANH	VSP02	66-67	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI VAN HUY	VSP02	65	1	10		70	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CONG QUAN	VSP02	53	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	DUONG SY CHIEN	JS2	86	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
19	LE HUY CHUONG	JS2	91-92	2	17		70	XAY LAP	Vietnamese
20	NGO HONG THANH	JS2	89	1	10		70	XAY LAP	Vietnamese
21	BUI TRONG HOI	JS2	90	1	10	62	65	XAY LAP	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG TUYEN	JS2	87-88	2	15		70	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	17	15	80	1.094	10	14		
2	JS2	5	7	62	350	62	2		
TOTAL		22	22	142	1.444	72	16		
WEIGHT KG				142	1.444	72			

GRAND TOAL: 1.658 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/03/2018	TO: PPD - CNV	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ VIỆT ANH	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN ĐÀO	PPD	66-67	2	6		92	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	PPD	53	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	49	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
6	SHEVLIKOV	PPD	55	1	5		61	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN THANH TUNG	PPD	54	1	3	30	65	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI MẠNH KHANH CUÔNG	PPD	58	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	51	1	10		69	ANTOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH SƠN	PPD	50	1	14		71	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TUẤN	PPD	63	1	6		73	XAYLAP	Vietnamese
12	TÔNG VĂN ĐỨC	PPD	66	1	9	32	80	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN NINH	PPD	64-65	2	14		69	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐỖ MẠNH HÙNG	PPD	67	1	9		59	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TỈNH	PPD	59-60	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN ANH TUẤN	PPD	61-62	2	12		56	XAYLAP	Vietnamese
17	DO QUỐC TUNG	CNV	64	1	9	45	81	KH-THAC	Vietnamese
18	DANG DUC HANH	CNV	59-60	2	11		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TIẾN DUNG	CNV	61	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN HAO	CNV	63	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DỤC THANH	CNV	58	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN DINH TIẾN	CNV	62	1	3		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	19	129	1.122	62	13		
2	CNV	6	7	35	439	45	6		
TOTAL		22	26	164	1.561	107	19		
WEIGHT KG				164	1.561	107			

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Giờ bay	Người		
1	410	RP2+TD1+VSP01	7:25	9+13+0	0+0+0	0+15+6	0+0+0	
2	427	RC5+CLO+PVD2	7:25	7+15+0	0+0+0	0+15+2	0+0+0	

TTBBSX





FLIGHT MANIFEST



DATE: 04/03/2018	TO: RC5 - CLO - PVD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - Linh - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	RC5	75	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HỮU LONG	RC5	77	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU THÀNH	RC5	76	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
4	ZHUK YURY	RC5	79	1	14		110	KH-THAC	Russian
5	HỒ NGỌC BÈN	RC5	78	1	9	20	76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIÊN QUY	RC5	81	1	11	40	78	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI XUAN TRUONG	RC5	80	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN HUNG	CLO	66-67	2	9		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG KIÊN	CLO	62	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
10	LA VIỆT HÙNG	CLO	59	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VIỆT HÙNG	CLO	65	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẬU VĂN MINH	CLO	64	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ VĂN LY	CLO	57	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN HỮU SƠN	CLO	60	1	3	30	62	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	63	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN KIM HÙNG	CLO	56	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
17	DUƠNG QUỐC VIỆT	CLO	68	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN TRINH QUỐC VƯƠNG	CLO	69	1	12		77	KHOAN	Vietnamese
19	VÔ TRẦN TRUNG	CLO	70	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	CLO	71	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	CLO	61	1	9		71	ANTOAN	Vietnamese
22	TẠ MINH UY	CLO	58	1	12		61	D-VLY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	7	66	546	60	5		
2	CLO	15	16	110	1.039	30	15		
3	PVD2	0	0	0	0	47	2		
TOTAL		22	23	176	1.585	137	22		
WEIGHT KG				176	1.585	137			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04-Mar-18	TO: RP2 - TD1 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: XANH-1	FROM: VT	CREW: Hạnh - XHOÀN - Trường	ETA: 09:10

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	RP2	39	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	RP2	43-44	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH THƯỜNG	RP2	38	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VO TRONG NHIEAN	RP2	45-46	2	10	97	50	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUY	RP2	41	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRUNG HIỆU	RP2	47	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
7	THAI QUỐC CUƠNG	RP2	42	1	8		50	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TIỆP	RP2	48	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DIEU	RP2	40	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
10	KOROTKOV V.A	TD1	55	1	7		100	KHOAN	Russian
11	VŨ ĐÌNH PHONG	TD1	62	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
12	DƯƠNG XUÂN THẮNG	TD1	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG VIỆT KHÔI	TD1	64	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THIỆU	TD1	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN LEO	TD1	61	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	TD1	65	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THIẾT	TD1	60	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	66	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN PHI HÙNG	TD1	57	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VAN THƯƠNG	TD1	59	1	2		68	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM THẾ TÂM	TD1	67-68	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG SÙNG	TD1	58	1	3		72	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	9	11	90	598	97	1		
2	TD1	13	14	67	972	0	15		
3	VSP01	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	25	157	1.570	97	22		
WEIGHT KG				157	1.570	97			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

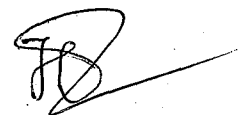
VSP REP.



VNH-REP.



CAPTAIN




LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/03/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3	7:25	22	0		22	0	
2		TD2+TD3	7:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
3		GT1+RC3+RP2	7:25	5+2+15	0+0+0		5+0+17	0+0+0	
4		T.UNG	7:25	17	0		17	0	
5		AMD	9:25	22	0		22	0	
6		AMD+PPD+BK16	9:25	12+5+5	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
7		P11+BK14+CTK3	9:25	3+0+19	0+0+0		0+0+17	0+0+0	CHUYẾN 3 PAX TU BK14-CTK3
8		PPD+CTK3	11:25	20+2	0+0		15+3	0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/8 NGƯỜI ĐI ĐI CTK3: VÉ CHUYẾN 2 (SNG) VÉ CHUYẾN 3 (3NG)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Mar-18	TO: GTC1 - RC3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - MQUAN	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KURPASOV	GTC1	20	1	5		73	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN HUU TAN	GTC1	19	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DINH HUY	GTC1	22-23	2	13	40	61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGHIEM XUAN ANH	GTC1	24	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO TRUNG LUYEN	GTC1	21	1	4		74	PSV	Vietnamese
6	KIEU TUAN ANH	RC3	50	1	10	20	70	DANG KIEM	Vietnamese
7	GROMOV S.A	RP2	59	1	9		85	KHOAN	Russian
8	NGUYEN VAN TRUNG	RP2	70	1	7		85	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN THAI DUONG	RP2	69	1	6		52	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LOC	RP2	55	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN XUAN	RP2	60	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN HOA	RP2	62	1	7		79	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN DUY LINH	RP2	66-67	2	17	40	90	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN NHU BANG	RP2	64	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
15	VU VAN HOA	RP2	56	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM NAM HAI	RP2	63	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUY KIEN	RP2	65	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN TUAN LONG	RP2	68	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH HUNG	RP2	57	1	8		59	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN THAI AN	RP2	58	1	6		70	DVL	Vietnamese
21	LA QUY DANH	RP2	61	1	6		65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	5	6	34	343	40	5		CHUYEN 1 PAX RC3 SANG RP2
2	RC3	1	1	10	70	20	0 + 1		
3	RP2	15	16	96	1.057	40	15		
TOTAL		21	23	140	1.470	100	20		
WEIGHT KG				140	1.470	100			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/03/2018	TO: CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - NNam	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO VYACHESLAV	CTK3					98	DIEUHANH	Russian
2	KRAMARENKO VALERIY	CTK3	46	1	7		70	DIEUHANH	Russian
3	SKOBYLAKOV DENIS	CTK3					85	DIEUHANH	Russian
4	KRAMARENKO	CTK3	47	1	7		55	D-HANH	Russian
5	NG. ĐÌNH QUỐC BAO	CTK3	54	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN ĐAI PHUC	CTK3	40	1	5		67	D-HANH	Vietnamese
7	PASHCHANOV ALEKSANDR	CTK3	59	1	6		102	KH-THAC	Russian
8	ORLOV IGOR	CTK3	45	1	5		86	KH-THAC	Russian
9	BOGDANOV	CTK3	43	1	4		85	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	41	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI THE DIEN	CTK3	52	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
12	TRINH QUỐC HUY	CTK3	53	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN SAU	CTK3	48	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUY HA	CTK3	55	1	11		84	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG TUAN	CTK3	49	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TSVETKOV	CTK3	39	1	6		100	KH-THAC	Russian
17	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	44	1	4		54	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HIEN	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRỌNG LINH	CTK3	50	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN BA HUE	CTK3	51	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ THÀNH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN QUỐC THAI	CTK3	42	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	18	96	1.666	45	22		
	TOTAL	22	18	96	1.666	45	22		
	WEIGHT KG			96	1.666	45			

GRAND TOAL: 1.762 KGS + 45 kgs

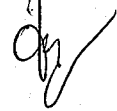
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2018	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:29
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Hoài - ĐTrung	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	11	1	5		65	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	BK THIE	10	1	5		75	PVD	Vietnamese
3	NGUYEN DUY TUAN	BK THIE	06	1	6		80	PVD	Vietnamese
4	BAGRAMOV	BK THIE	16	1	5		92	KH-THAC	Russian
5	PHAN QUANG HOA	BK THIE	13	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN SON	BK THIE	18	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	KIEU XUAN TAM	BK THIE	15	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO DUY TỬ	BK THIE	02-03	2	12	95	58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH HAI	BK THIE	14	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HUNG TUAN	BK THIE	12	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VIET THUAN	BK THIE	01	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ANH MINH	BK THIE	19-20	2	15		70	T-TIN	Vietnamese
13	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	17	1	4		70	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ ĐĂNG THANH	BK THIE	05	1	5		64	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VAN QUANG	BK THIE	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TRONG THANG	BK THIE	09	1	7		52	PSV	Vietnamese
17	PHAM HUNG SON	BK THIE	08	1	6		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	BK THIEN UNG	17	19	109	1.189	95	17	
TOTAL		17	19	109	1.189	95	17	
WEIGHT KG				109	1.189	95		

GRAND TOAL: 1.393 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05-Mar-18	TO: TD2 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LBinh - MTuân - Vũ	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A.	TD2	72	1	5		100	KHOAN	Russian
2	GUSHEYNOV M.A	TD2	73-74	2	10		80	KHOAN	Russian
3	CHU VAN HUNG	TD2	69	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HAI	TD2	85	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	BUI HUU HONG	TD2	77	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
6	VUONG DINH LIEN	TD2	68	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
7	LE VIET CHIEN	TD2	79	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGO VAN BAC	TD2	71	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
9	DO VAN HUNG	TD2	67	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN HUNG HUNG	TD2	78	1	2		96	KHOAN	Vietnamese
11	VU XUAN TRUONG	TD2	70	1	2	40	70	KHOAN	Vietnamese
12	MAI VAN HOANG	TD2	75	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN MANH HUNG	TD2	80	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH THAI	TD2	86-87	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
15	NG VAN HUY	TD2	76	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
16	LE PHAT THINH	TD2	82	1	4		95	GETRACO	Vietnamese
17	TRAN NGOC KHANH	TD2	84	1	4		57	GETRACO	Vietnamese
18	HOANG VAN DOAN	TD2	93	1	2		78	GETRACO	Vietnamese
19	TRAN DUC THE	TD2	81	1	3		65	GETRACO	Vietnamese
20	DO MANH HA	TD3	01	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
21	LE NHAT TUAN	TD3	02	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
22	NGUYEN TAN KHANH	TD3	03	1	3		70	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	21	91	1.434	40	18		
2	TD3	3	3	16	210	0	4		
TOTAL		22	24	107	1.644	40	22		
WEIGHT KG				107	1.644	40			

GRAND TOAL: 1.791 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2018	TO: AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MTHAO - N Nam	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PETE BALL	AMD	53-54	2	15		125	KH-THAC	Australian
2	NGO SY KHOI	AMD	60	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LE THANH HAI	AMD	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC TUAN	AMD	57	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG CONG TAN	AMD	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VIET THANG	AMD	50-51	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
7	DANG MINH DUC	AMD	55-56	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
8	TANG XUAN HAI	AMD	47	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	44-45	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VIET	AMD	73	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN NGHI EP	AMD	52	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
12	DO THE THANH	AMD	62-63	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN VINH	AMD	70	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG THE KHAI	AMD	48	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	DAO DUC HUY	AMD	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	FRAMARIN OLIVIER MARC	AMD	66-67	2	17		75	KH-THAC	French
17	LE VU LAM	AMD	64-65	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DAT PHUC	AMD	68-69	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
19	THAN CANH THINH	AMD	58-59	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU ANH HUNG	AMD	74-75	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TINH	AMD	76-77	2	10	110	68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN NAM	AMD	71-72	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	34	205	1.554	110	22		
	TOTAL	22	34	205	1.554	110	22		
	WEIGHT KG			205	1.554	110			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05-Mar-18	TO: AMD - PPD - BK16	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LBình - MTuấn - Vũ	ETA: 11:25
HONG-2			

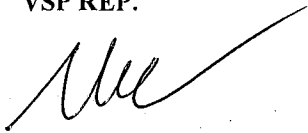
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN CONG CHIEN	AMD	11-12	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC BIEU	AMD	14-15	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	03-04	2	11		72	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN XUAN PHONG	AMD	09	1	6		63	PSV	Vietnamese
5	PHAM VAN TUAN	AMD	08	1	5		82	PSV	Vietnamese
6	DO DUC CHI	AMD	13	1	7		62	PSV	Vietnamese
7	TRAN QUOC THANG	AMD	01	1	6		88	PSV	Vietnamese
8	LE DAC DONG	AMD	10	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	KIEU VAN TUAN	AMD	06	1	6		78	PSV	Vietnamese
10	TRAN NGOC BINH	AMD	02	1	5		60	PSV	Vietnamese
11	LE CONG VIET	AMD	05	1	5		53	PSV	Vietnamese
12	LE HUU VINH	AMD	07	1	8		58	PSV	Vietnamese
13	PHUNG PHU SUA	PPD	01	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VAN HAI	PPD	04	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MANH CHIEN	PPD	05	1	4	55	55	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐAO MANH HUY	PPD	03	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI NGOC DUNG	PPD	02	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VAN TIEN	BK16	06	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DUC CUONG	BK16	08-09	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
20	LE MINH THANG	BK16	10	1	5	45	65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN PHUC PHUONG	BK16	07	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUAN HOA	BK16	11	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	15	94	815	0	7		
2	PPD	5	5	28	307	55	10		
3	BK16	5	6	32	355	45	5		
TOTAL		22	26	154	1.477	100	22		
WEIGHT KG				154	1.477	100			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2018	TO: P11 - BK14 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - MQUAN	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	P11	06	1	4		80	D-HANH	Vietnamese
2	BESPALOV	P11	05	1	5		85	D-HANH	Russian
3	CHERNADEV IGOR	P11	04	1	5		67	D-HANH	Russian
4	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	60	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN SON HA	CTK3	64	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG THANG	CTK3	72	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH NHO HOANG	CTK3	71	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
8	DAO TRONG HIEP	CTK3	70	1	5	7	70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM DUC BINH	CTK3	75-76	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUOC KHIEM	CTK3					90	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CANH HUNG	CTK3	63	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH DONG	CTK3	61	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO HUU HUY TU	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN HE	CTK3	62	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NHAN KHANH	CTK3	69	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	VU HUU HA	CTK3	74	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH HUNG	CTK3					80	KH-THAC	Vietnamese
18	DO HUU DUC	CTK3	66	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN BAC	CTK3	65	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH DIEN	CTK3	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO SY DUC	CTK3	68	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
22	ARTIUSHIN	CTK3	73	1	11		90	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	3	3	14	232	0	0		
2	BK14	0	0	0	0	0	0	3	CHUYEN 3 PAX BK14-CTK3
3	CTK3	19	17	89	1.402	7	18		
TOTAL		22	20	103	1.634	7	18		
WEIGHT KG				103	1.634	7			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/03/2018	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:50
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - NNam	ETA: 13:30
DO-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEREMENTIEV	PPD	15	1	8		82	D-HANH	Russian
2	ANDREEV	PPD	14	1	5		100	D-HANH	Russian
3	KUZMENKO	PPD	20	1	6		82	D-HANH	Russian
4	HUYNH LE THIEN CHINH	PPD	09	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
5	PONOMARENKO	PPD	23	1	10		88	D-HANH	Russian
6	TARGANOV	PPD	25	1	5		90	D-HANH	Russian
7	NGUYEN VAN GIANG	PPD	22	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC TRUONG	PPD	21	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH DUY NAM	PPD	24	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN TAN	PPD	26	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM NGOC ANH	PPD	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	17	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG TRI DUNG	PPD	12	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG VAN TANG	PPD	18-19	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO MANH HUNG	PPD	16	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HA	PPD	11	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI TRAN VIET	PPD	13	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
19	VU CHI KIEN	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NHANH	CTK3	89	1	6		65	PSV	Vietnamese
21	LUONG THE HIEN	CTK3	90	1	5	25	64	NIPI	Vietnamese
22	VUONG DINH DONG	CTK3	36	1	5		84	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	18	99	1.395	0	17		
2	CTK3	3	3	16	213	25	0		
TOTAL		22	21	115	1.608	25	17		
WEIGHT KG				115	1.608	25			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN